

KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT

QUYỂN 6

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phát:

–Chỗ tạo tác công đức và trí tuệ của Bồ-tát là không thể cùng tận.

Sao gọi là chỗ tạo tác công đức? Vì có thể bố thí hết mọi vật hiện có của mình. Công đức trì giới và hạnh nghiệp của trí tuệ, thường thực hành tâm Từ, suy nghĩ về thiền định, thương yêu muôn loài, giữ gìn các căn lành, vì mình và người mà bố thí, tập hợp các công đức, khuyến bảo tất cả chúng sinh trong ba đời đều bố thí. Bậc Hữu học, Vô học và các bậc Duyên giác cũng khuyến khích người mới phát tâm tu học pháp Bồ-tát, để hội nhập nơi các hành theo bậc Bất thoái chuyển và bậc Nhất sinh bất tử. Các Đức Phật thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều khuyến khích thực hành những phước đức căn bản, khiến hết thảy đều nguyện hướng về chư Phật, Thánh hiền, Pháp sư thuyết giảng kinh điển, nhờ công đức này mà được tồn tại, sống lâu vô cùng, tạo lập công đức. Người nào có phước đức mà chưa phát tâm thì khuyên họ nên phát tâm, người nào đã phát tâm rồi thì khuyên họ tu tập pháp vượt bờ. Nếu có người bệnh thì nên dùng tài vật để cứu giúp. Nếu có người bệnh hoạn thì cung cấp thuốc thang, tùy theo mà cứu giúp với tâm không dua nịnh. Người yếu đuối thì khuyến khích họ tạo sự nhẫn nhục. Người có tội thường che giấu thì khiến họ tỏ bày tội lỗi, thường với tâm hổ thẹn để sám hối, bằng sự cung kính chư Phật trong quá khứ đến hiện tại, kính lễ quy y nơi các bậc Hòa thượng. Người thường thực hành pháp bố thí, khéo bố thí không thấy có mình và người. Khuyến người tu tập tinh tấn, cầu pháp không hề biếng trễ, thấy các Pháp sư như thấy Phật, nghe pháp không nhàm chán, tâm luôn nhớ nghĩ về pháp, dù cách xa mười bốn ngàn dặm mà nghe có kinh pháp thì nên đích thân đến lãnh hội, cũng không cảm thấy mệt nhọc. Bồ-tát tuy thuyết giảng kinh pháp mà không tham lợi dưỡng, hiếu thuận với cha mẹ, ngày đêm luôn ở bên cạnh để chăm sóc, nghĩ nhớ đến ân nuôi nấng bằng sữa mẹ mà ân cần chăm lo, không hối hận, thường ưa thích tích lũy công đức. Hành động của thân luôn thận trọng, không trang điểm nơi thân. Giữ gìn lời nói, không nói lời thô ác. Điều phục tâm ý, không nhớ nghĩ về điều ác.

Tạo lập chùa chiền, giảng đường, tinh xá, thành tựu công đức đạt phước báo cũng như Phạm thiên. Thế nào là phước đức như Phạm thiên? Khi Đức Như Lai mới thành đạo, Như Lai muốn nhập Niết-bàn, chư Thiên liền đến khuyến thỉnh Đức Phật ở lại, vì nhằm để cứu độ chúng sinh trong khắp mười phương cùng khiến cho giáo pháp được truyền bá khắp nơi chốn, nên xin Đức Phật giữ lấy bản nguyện giáo hóa muôn loài do mê lầm, ngu si, điên đảo, nên vương vào sáu mươi hai thứ tà kiến, chìm đắm trong chín mươi sáu đường, cầu xin bậc Đại thánh dùng ánh sáng của chánh đạo để cứu vớt. Đức Phật bảo:

–Lành thay! Vua trời có lòng Từ bi, chúng sinh ở đời năm trước rất khó giáo hóa, nên ta phân chia có ba thừa để hóa độ, dẫn dắt họ, sau đó mới nhập vào đạo Vô thượng Bồ-đề. Phước đức của Phạm thiên như thế là không thể kể xiết, phước của người xây dựng chùa chiền cũng lại như vậy. Đã tích chứa vô lượng phước đức, nhân nơi phước đức này mà đạt đủ ba mươi hai tướng tốt, thực hành rất nhiều căn lành nên đã gồm đủ tám mươi vẻ đẹp. Tu tập mười điều thiện mà không kiêu mạn, nên thân thể được đoan nghiêm, đẹp đẽ. Xả bỏ tất cả những lời nói thô ác, nhân đó mà miệng được thanh tịnh, diễn thuyết với mọi biện tài, thường có tâm Từ, lòng không độc hại, tức trang nghiêm nơi tâm thanh tịnh như ngọc báu sáng. Trang nghiêm nơi cõi Phật bằng thân thông biến hóa. Trang nghiêm nơi kinh điển là vì người khác mà giảng nói. Trang nghiêm nơi chúng hội là khiến chúng sinh phụng sự đạo pháp. Trừ bỏ lời nói hai lưỡi, ác khẩu, gièm pha, ganh tỵ với người. Thưa hỏi, lãnh thọ kinh điển rồi quan sát tư duy về pháp. Làm thế nào để chỉ bày, hóa độ chúng sinh đạt đến đạo lớn? Những điều đã giảng nói chưa từng vượt thứ lớp, cũng không sai lệch, sắc mặt vui vẻ, ai thấy đều hoan hỷ. Trừ bỏ những phiền não ngăn che, chú tâm lắng nghe kinh điển, trang nghiêm nơi tâm ý với sự thông minh, lanh lợi, đánh lễ quy y chư Phật Chánh giác để làm thanh tịnh đạo tràng, thuận theo gốc của các đức, làm người đứng đầu nơi đời sống thanh tịnh, phân biệt tội phước, ái dục, phiền não. Có được bàn tay quý giá để có thể bố thí tất cả vật báu quan trọng mà không mong cầu điều gì. Dùng tài sản vô giá mà bố thí cho người thì đạt được kho báu rộng lớn vô cùng. Sắc mặt luôn vui vẻ, không hiện tướng lo buồn, cho nên các thân hữu, bạn bè đồng học ai cũng vui mừng. Tâm bình đẳng đối với chúng sinh, nhân nơi ấy mà được sự an nhiên, không khinh khi kẻ chưa học. Ưa thích việc đốt đèn đuốc để cúng dường chư Phật, cho nên cha mẹ,

thầy bạn, đều được ánh sáng thanh tịnh, ánh sáng ấy chiếu tỏa khắp mọi nơi. Tích chứa công đức, giữ gìn giới cấm, việc làm không hề cấu nhiễm thì đời đời được sinh vào nơi chốn thanh tịnh, không bị nhiễm những thứ như uest khác. Hoặc theo đường thai sinh vẫn không bị cấu uest. Thực hành mười điều thiện thì được sinh vào cõi trời, khi trở lại nhân gian thì không còn suy nghĩ, tưởng nhớ đến những lưới oán kết, do đó, được tự tại mà không hư giả. Theo học pháp vô sư cho nên trở thành bậc tôn quý đối với các pháp. Tâm tánh thanh tịnh nên tất cả mọi người ai thấy cũng không nhàm chán. Chẳng tiếc thân mạng, chưa từng lường dối nên không bị kẻ khác xâm hại. Do bản nguyện nên thành tựu đạo pháp của chư Phật, nhờ nhân duyên này nên có được đầy đủ các gốc công đức. Nay Hiền giả Xá-lợi-phất! Tạo lập công đức dù mỏng manh, nhưng dốc nuôi dưỡng công đức ấy, tùy lúc sẽ đạt được phước đức vô lượng, vượt hơn nữa là phước đức ấy không thể tính kể, Tôi chỉ nêu lên những điều chính yếu chứ không thể bày tỏ hết được.

Sao gọi là tạo tác về trí tuệ? Do từ nhân duyên sinh ra, từ sự nhận thức của mình mà biết được về năm thân thông trí tuệ. Sao gọi là nhân duyên? Người nhiều ham thích việc tìm cầu pháp Phật, gần gũi với bậc có trí sáng suốt đề cùng thưa hỏi, thọ trì và cung kính phụng hành. Đạt đến trí tuệ Phật, không mong cầu các thừa Thanh văn, Duyên giác. Xa lìa tâm kiêu mạn, cung kính phụng thờ bậc Chánh giác. Tâm tánh hòa nhã khi gần gũi với bạn bè. Chỉ thực hành theo nghĩa lý mà không lệ thuộc ngôn từ. Nhìn các việc làm và phẩm hạnh của bậc Pháp sư, không ưa thích hình thức bên ngoài của bậc ấy mà chỉ lắng nghe, lãnh hội pháp siêng năng tu tập đúng theo giáo pháp. Người thực hành pháp như vậy gọi là tạo tác về trí tuệ.

Sao gọi là tạo tác về pháp? Ít mong cầu, không ham muốn, chẳng vội vàng, ít lời lẽ, thường tự nhận thức, tinh tấn tu hành, nghĩa lý đã được nghe thì suy nghĩ, lường tính khao khát mong đạt được giáo pháp chưa từng biết mệt mỏi. Với tâm ý sáng suốt, không bị năm thứ ngăn che bao phủ. Thường sám hối tội lỗi để tiêu trừ mọi tai ương, ý chí thành thật không đua nịnh, lấy hành động làm cốt yếu. Mến mộ giáo pháp, dùng pháp làm gốc, mọi hành động đều đúng pháp, luôn luôn mong đạt được ý nghĩa của kinh. Như cứu lửa cháy đầu nên phải chuyên cần tu tập, thân tâm chưa từng trái bỏ. Hướng đến nơi thích hợp, từ bỏ chỗ ồn náo, một mình ưa thích nơi vắng vẻ để tu tập hạnh Thánh hiền, nên hạn chế, biết đủ, chưa từng thoái lui. Ưa thích pháp

lạc, không ái mộ sự vinh hoa ở đời, mong cầu vượt khỏi pháp thế gian mà tâm không quên mất. Thực hành oai nghi, cử chỉ, ưa thích pháp đúng, tìm cầu hạnh nghiệp hiền lành nhằm tích lũy công đức bền chắc. Thường sinh tâm hổ thẹn, tu tập trí tuệ, Từ bi, khiến cho kẻ vô trí trừ bỏ lưới ngu si mê lầm, được mắt trí tuệ thanh tịnh. Sự giác ngộ ấy rất rộng lớn. Dùng trí tuệ vô vi để soi chiếu ý nghĩa của bậc Thánh. Dùng trí tuệ hiện tại nhằm tạo lập công đức cho vị lai. Không tự khen, đề cao công đức của mình mà chê bai công đức của người khác. Khéo tu tập theo hạnh nguyện của bậc Thánh, lia tội tạo phước, tu tập thanh tịnh đúng trí tuệ của đạo.

Lại nữa, tạo tác về trí tuệ, có bốn việc bố thí để đạt được.

1. Bố thí các vật dụng để in ấn như giấy, tre, lụa.
2. Bố thí bút viết để biên chép kinh sách.
3. Bố thí mực tốt và đồ mài mực.

4. Giáo pháp mà Pháp sư đã diễn thuyết rất nhiều, nhân đó để mở bày và lãnh hội giáo pháp, đem tất cả những thứ hiếm có nơi thế gian cúng dường cho Pháp sư, hoặc dùng thơ kệ ban bố cho người, hoặc được Pháp sư trao cho diệu pháp. Thành tâm bố thí không lừa dối.

Bố thí với bốn việc như vậy mới đạt được trí tuệ, chứng được năm phần Pháp thân: tín, giới, tuệ, giải độ, tri kiến.

Giữ gìn bốn trí tuệ nên được tự tại. Những gì là bốn?

1. Hộ trì Pháp sư, tôn thờ làm thầy.
2. Nuôi lớn chủng tánh, không sinh tâm loạn động.
3. Giữ gìn, thuận theo tâm ý của người chung quanh khu vực.
4. Tự giữ gìn tâm ý, không để tâm buông lung.

Lại có bốn việc gần gũi với trí tuệ khiến thành tựu công đức.

Những gì là bốn?

1. Dùng kinh điển sâu xa để dâng cúng cho Pháp sư.
2. Ngày đêm luôn gần gũi với nghĩa lý của đạo.
3. Cung cấp đầy đủ y phục và thực phẩm.
4. Tiếp cận với đạo tràng, không hề thoái lui.

Bốn việc này gọi là bốn duyên. Nhờ bốn duyên ấy nên Bồ-tát đạt được năm tuệ lực:

1. Lực tín.
2. Lực giải thoát, tinh tấn không bỏ, nghe rộng không chán.

3. Lực ý, không xả bỏ tâm đạo.
4. Lực định, bình đẳng với các pháp.
5. Lực trí, điều nghe được không hề quên mất.

Đó là năm lực.

Lại có bốn việc để tạo tác sức trí tuệ nơi giữ giới:

1. Dùng pháp chân thật để thực hành giới cấm căn bản.
2. Tư duy về kinh điển, tìm hiểu nghĩa lý cao xa thâm diệu.
3. Dùng pháp để khuyến khích, trợ giúp theo con đường chân

chánh.

4. Mong cầu đạt những lời dạy chính yếu, dùng pháp làm giới.

Đó là bốn việc tạo ra trí tuệ nơi giới.

Lại có bốn việc để tạo tác về nhẫn:

1. Tinh tấn cầu pháp, nếu có kẻ hung ác chửi mắng mình thì vẫn nhẫn chịu.

2. Ưa thích pháp, nếu gặp sự tranh cãi, hoặc các trường hợp đối kháng, nóng lạnh, đều có thể chịu đựng.

3. Tôn trọng thầy chỉ dạy nẻo lành, cung kính các bậc Hòa thượng.

4. Thường xuyên tư duy về pháp nhẫn, nghĩa của Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tạo tác để thực hành tinh tấn:

1. Chuyên cần lắng nghe kinh điển, không cảm thấy mệt mỏi.
2. Nghe rồi thọ trì, chưa từng quên mất.
3. Tinh chuyên với việc thuyết pháp không nhàm chán bỏ dở.
4. Luôn luôn thực hành pháp, lấy đó làm sự nghiệp.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để tạo tác, thực hiện thiền định.

1. Tâm vốn thanh tịnh, không ồn ào, náo loạn.
2. Tâm chuyên nhất, không khổ, không vui.
3. Nhất tâm tinh chuyên dốc cầu thân thông.
4. Hội nhập nơi trí tuệ Phật, từ bỏ trí thế gian.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để tạo tác trí tuệ:

1. Chẳng chấp đoạn.

2. Chẳng chấp thường.
3. Tâm ý không hề mê lầm, hiểu rõ nguồn gốc của duyên khởi.
4. Tin hiểu về không về vô ngã và ngã sở.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để tạo tác về trí tuệ phương tiện quyền xảo:

1. Với kẻ ưa thích pháp thế gian thì tùy theo thế gian mà giáo hóa.
2. Với kẻ chấp hữu thì tùy theo kiến chấp của họ mà dẫn dắt.
3. Nướng vào kinh điển mà chỉ dạy cho mọi người tiến tu.
4. Với người tu tập trí tuệ thì nhân nơi sự sáng suốt mà giáo hóa.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để tạo tác trí tuệ của đạo:

1. Tu tập sáu pháp Ba-la-mật nhằm chứng đắc đạo quả.
2. Do đạt đến Niết-bàn mà trở lại giáo hóa theo chánh đạo.
3. Tu học, điều phục chế ngự tâm theo bảy giác ý.
4. Thường dẫn dắt, thực hành tất cả chỗ căn bản của trí tuệ.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc nhằm tạo tác không chán nản, luôn gắn bó đối với Thánh đạo:

1. Ưa thích nghe pháp.
2. Luôn siêng năng thuyết giảng kinh điển.
3. Quán xét về nguồn gốc của phiền não mà không cho là cực nhọc.
4. Thấu rõ về căn cơ, hoàn cảnh của chúng sinh.

Đó là bốn việc.

Bồ-tát A-soa-mạt lại nói:

–Vị ấy có thể hội nhập khắp mọi nơi chốn. Nếu người bố thí thì nên quan sát đúng đắn về sự tạo tác: Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Vì Bồ-tát tuy chưa thành tựu tất cả, nhưng lấy việc diễn thuyết về trí tuệ làm hàng đầu cho quả vị bậc Thánh. Tất cả đều quy về nơi đạo, trụ vào trí tuệ. Với người không có trí tuệ thì giáo hóa khiến họ quay về với Đại thừa, khiến tất cả các ma không có cơ hội để quấy phá. Trí tuệ đều là chỗ kiến lập của chư Phật nhằm đạt đến Nhất thiết trí của bậc Vô thượng Chánh giác. Đó là sự tạo tác về trí tuệ không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

www.daitangkinh.org

–Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp quán Ý chỉ (bốn Niệm xứ) của Bồ-tát cũng không cùng tận. Tức vị ấy quan sát thân mình và thân người khác. Quán xét những hành động căn bản nơi thân để thành tựu những việc làm siêng năng. Quán sự hợp thành kết quả nơi thân để biết thân không chủ thể, nên không tham đắm vào nó. Ví như quan sát các loài cây cối, hoa trái, rừng rậm, cỏ dại bên ngoài, đều do nhân duyên sinh, không chủ thể, không tên gọi. Thân này cũng vậy, giống như cây cỏ, tường vách, ngôi đá, ảnh trong nước, cùng mọi sự mê hoặc của các nhập, năm ấm, bốn đại. Quán thân mình là không, không có ngã và ngã sở, không trường tồn, không bền chắc, thân là vật mong manh, là pháp phân tán. Do vậy, nên không chấp thân này là vật của ta. Vì thân này mong manh, không kiên cố, vậy phải siêng năng tìm cầu nghĩa lý chính yếu. Thế nào là chính yếu? Thân của Như Lai mới là chính yếu, ta phải dốc cầu đạt Pháp thân vô lượng nơi Thánh thể của Như Lai. Thân ấy giống như kim cương, không gì có thể hủy hoại, vượt lên trên tất cả thân sắc phàm phu trong ba cõi. Mặc dù thân này có vô số tỷ vết, nhưng nương vào thân đó mà trừ bỏ tất cả những thứ cấu uế, sẽ chứng được Pháp thân trí tuệ của Như Lai. Do nỗ lực tu tập mà thành tựu được mọi công đức chân thật đầy đủ. Quan sát về thân bốn đại: Ta dùng thân này là vì chúng sinh nên dốc lòng tìm cầu Phật đạo. Cũng như quán xét bốn đại hiện có bên ngoài là đất, nước, gió, lửa, dùng để kiến tạo bao nhiêu hình tượng như cửa ngõ, giếng bếp, nhà cửa, nghề nghiệp sinh sống tạo mọi an ổn cho con người. Thân bốn đại của ta cũng như vậy. Nương vào thân ấy mà tạo ra rất nhiều tiện nghi, vô số tài sản, gây dựng sự nghiệp mới có thể nuôi thân được yên ổn. Thấy rõ thân nhận chịu bao thứ khổ sở không thể kể xiết. Quán thân vô thường, lưu chuyển trong sinh tử, vì thế không nên tham đắm, mong cầu thọ nhận thân. Quán thân vô ngã, vì tất cả chúng sinh không hiểu được gốc ngọn, nên Bồ-tát cần chỉ dạy khiến họ nhầm chán thân này. Quán thân vắng lặng, đạt đến tịch tĩnh, khiến cho chúng sinh tu tập thiền định. Quán thân là Không, Vô tướng, Vô nguyện liền trở về với “bản tế” vốn thanh tịnh, an nhiên. Bồ-tát tự quán thân mình và quán thân người khác, không thấy gì để ưa thích, chẳng cho là bền vững, biết rõ thân không tồn tại lâu dài. Quán các hành bên trong thân thì chẳng hề thuận hợp với các thứ khổ về ái dục, phiền não nơi nội thân. Xét bên ngoài thân thì chưa từng kết hợp với trần cảnh bên ngoài. Thân không cấu uế, các hành thanh tịnh. Do thân được thanh tịnh, sau đó mới thành tựu được thân tướng đẹp đẽ, trang nghiêm, hơn cả hàng

trời, người, dung mạo tuyệt vời không ai sánh bằng. Đó là Bồ-tát dùng pháp Ý chỉ để quán thân mình và quán thân người khác.

Thế nào là Bồ-tát quán về thọ của mình và quán về thọ của người khác? Bồ-tát phát tâm quán xét như vậy: Những điều có thể trải qua do cảm thọ đều là khổ não. Bồ-tát quán xét về thọ, tìm cầu trí tuệ bậc Thánh, chọn lựa trí sáng suốt, ưa thích sự vắng lặng. Dầu có gặp được niềm vui cũng không bị lệ thuộc vào chỗ ưa thích. Nếu ham mê vào sự thích thú thì đó là nhân duyên đưa đến khổ não. Thấy chúng sinh rơi vào các nạn khổ trong ba đường ác, Bồ-tát khởi tâm đại Bi, không vì lưới oán kết mà thấy có sự ràng buộc. Tuy thân không còn những cảm thọ về khổ vui, nhưng không vì ngu si mà bị lưới kết sử trói buộc. Nếu còn cảm thọ, nhưng tâm vẫn tịch tĩnh. Từ chỗ không còn nhận chịu sự cảm thọ khổ vui nên Bồ-tát dùng trí tuệ hiển bày cho chúng sinh từ bỏ những cảm thọ không lợi ích, diệt trừ những thọ của chúng sinh. Mặc áo giáp trong sạch, lòng tự nghĩ: Những chúng sinh này đều ở trong thọ, chẳng tự hiểu biết chính sự trói buộc vào những thọ về khổ nên sinh ra lo buồn. Thuận theo những mê lầm của thọ không khổ, không vui, cho nên không hội nhập nẻo trí tuệ. Giữ tâm đại Bi mới vào được trí tuệ. Hiểu rõ sự chấm dứt của tất cả các thọ, do tâm đại Bi mà diễn giảng kinh điển, làm cho chúng sinh diệt trừ khổ nạn. Thế nào là thọ? Trong lòng mang phiền não mà cho là niềm vui. Thế nào là chọn lựa? Đây là không thọ, không ngã, nhân, thọ mạng. Lại nữa, Bồ-tát ấy không nương vào thọ, cũng không tham muốn việc nhận chịu các thọ, không trái với các hành, không ngược với sự cảm nhận cũng không thọ về các kiến chấp vọng tưởng, cũng không cảm thọ về mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm, cũng không thọ về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đối tượng thuộc về mắt đều từ nhân duyên sinh nên có khổ, vui, không khổ không vui, gọi là thọ. Nói tóm lại, thọ bên trong hay bên ngoài cũng như vậy, đều từ nhân duyên sinh cho nên đưa đến thọ khổ, vui, không khổ, không vui. Một thọ là nhân nơi tâm, ý, thức. Hai thọ là thọ trong và ngoài. Ba thọ là tùy theo sự chỉ bày ở quá khứ, từ hành động ở vị lai nhân vào thức hiện tại. Bốn thọ là từ bốn đại: Đất, nước, gió, lửa. Năm thọ là từ ý niệm về năm ấm: Sắc, thống dương (thọ), tư tưởng (tưởng), sinh tử (hành) và thức. Sáu thọ là từ sáu trần. Bảy thọ là từ bảy thức. Tám thọ là theo tám tà kiến làm mê loạn. Chín thọ là chín thân xứ (*chín cõi chúng sinh cư trú*). Mười thọ là mười nghiệp ác. Rốt lại, tất cả thọ đều do tham ái, từ ý niệm tham dục mà có. Cho nên nói:

Sự cảm thọ của con người không thể tính đếm. Bồ-tát quán xét về cảm thọ của mình và người, biết được những cảm thọ phát khởi của chúng sinh nên thị hiện, tạo tác trí tuệ, khiến cho muôn loài nhân đó mà thấy được căn bản nơi công đức, trừ bỏ tội lỗi. Đó là Bồ-tát dùng pháp Ý chỉ quan sát thọ của mình và thọ của người khác.

Thế nào là Bồ-tát dùng pháp Ý chỉ để quán tâm mình và tâm của người khác? Tâm Bồ-tát chưa từng quên mất, hành vi cử chỉ luôn thuận hợp để quán xét: Tâm vừa khởi lên liền bị diệt ngay. Tâm không thường trụ, không trụ bên trong, chẳng trụ bên ngoài, cũng không ở giữa. Ta từ khi mới phát tâm Bồ-tát đến nay, tâm ấy vắng lặng, lìa mọi phân tán, không chân thật, cũng không phải là không thật. Tâm ở nơi nào thì những công đức do tâm tích tập được cũng vắng lặng, lìa mọi phân tán, không nơi chốn không hiện bày, không thể phân biệt. Nhân đầy mà có thể khuyến khích kẻ phát tâm Bồ-đề cũng được tự tại. Do đó nên nói: Tâm chẳng nhận biết, tâm chẳng nhận thấy, tâm với tâm chẳng đối đãi. Thế nào là phát tâm Bồ-đề để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tâm Bồ-đề ấy không cùng với tâm thiện kết hợp, tâm thiện ấy không cùng với tâm khuyến trợ kết hợp, tâm thanh tịnh không lìa tâm Bồ-đề. Người nào quan sát tâm như vậy thì không còn sợ hãi, cũng không lo lắng. Lại có tâm nhớ nghĩ về mười hai nhân duyên rất sâu xa vi diệu, tâm không xa lìa sự báo ứng theo nhân quả, tâm cũng không chấp trước vào các pháp. Giả như từ nhân duyên cho đến quả báo mà tất cả các pháp không có thật, cũng không có chủ thể, tâm buông lung theo những tham dục mà bị mê lầm thì ta phải tinh tấn giữ gìn tâm ấy, khiến không thoái lui.

Thế nào là các pháp của tâm? Thế nào là mê lầm theo phiền não? Tâm như huyễn hóa, không thể làm cho thanh tịnh được, nên gọi là pháp của tâm. Nếu có thể xả bỏ các sự mê lầm, khuyến gắng hướng đến cõi Phật thì cũng là mê lầm. Tâm như mộng, tỉnh, không nhận biết nơi chốn, đó là pháp của tâm. Với giới luật, giữ gìn cẩn thận, sau đấy khuyến tu năm thần thông, đó là biến hóa. Tâm như dợn nắng, gốc ngọn đều không có, gọi là pháp của tâm. Thuận theo những sức nhẫn, an vui với sự hiểu biết đúng đắn, để trang nghiêm tâm mình, tâm luôn khuyến trợ, sử dụng mọi biến hóa, gọi là pháp của tâm. Tâm như trăng dưới nước, vắng lặng, trong sáng tự nhiên, gọi là pháp của tâm. Bồ-tát tinh tấn, thực hành đầy đủ vô số pháp Phật thì đó là biến hóa. Tâm không thể nắm giữ, cũng không thể thấy, đó là pháp của tâm. Nếu thực hành đầy đủ thiền định về Tam-muội giải thoát, mong đạt được thiền

định của Phật, đó là biến hóa. Tâm không hình tướng, chẳng so sánh, chẳng giáo hóa, cũng không hình sắc, gọi là pháp của tâm. Có thể dùng trí tuệ để giảng nói, phân biệt, hộ trì Phật đạo, xét tìm về quá khứ, đó là biến hóa. Tâm không có nhân duyên, hoàn toàn không phát khởi, đó là pháp của tâm. Nếu có thể hướng dẫn đưa đến tất cả gốc công đức thì gọi là biến hóa. Nếu không có đối tượng thì tâm không sinh khởi, đó là pháp của tâm. Nếu nhân nơi pháp, tu tập tâm đạo thì đó là biến hóa. Cảnh giới của tâm ấy vĩnh viễn xa lìa cấu uế, không có chỗ sinh ra ban đầu, đó là pháp của tâm. Nếu dẫn dắt, chế ngự tâm để đạt đến sự chứng đắc cảnh giới của Phật, đó là biến hóa. Bồ-tát tự quán xét tâm mình và tâm người khác, chứng được thần thông, tâm ấy thấy biết chắc chắn về tất cả tâm niệm của chúng sinh, nhân đó thấu rõ tội phước đều tự nhiên. Bồ-tát tự quán tâm mình và tâm người khác, liền phát khởi tâm Bi rộng lớn để giáo hóa chúng sinh, không cho là mệt mỏi. Tâm ấy chẳng diệt mất cũng không cùng tận, trú vững ở tâm này thì không đồng với sinh tử, cũng ở trong phiền não mà tự chế ngự tâm. Dùng trí tuệ của bậc Thánh để thấu suốt tâm ấy. Hội nhập nơi pháp không sinh khởi, không có đối tượng sinh, không rơi vào quả vị Thanh văn, Duyên giác. Thường chế ngự tâm mình, có khả năng lãnh thọ đạo pháp của chư Phật. Chỉ trong một niệm dùng tâm trí tuệ để đạt đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát dùng pháp Ý chỉ để quán tâm mình và tâm người khác.

Thế nào là Bồ-tát dùng pháp Ý chỉ để quán pháp của mình và pháp của người khác? Bồ-tát dùng mắt trí tuệ nhận thấy tất cả pháp chưa từng quên mất. Đến khi thành tựu đạo quả, tự quán pháp của mình và của người khác thì khi đó là Bồ-tát thấy rõ về tất cả pháp. Quán tưởng về Không, mới hiểu rõ về Không, hiểu về Vô tướng, Vô nguyện thì hiểu được không có đối tượng sinh, cũng không có đối tượng diệt, mà xa lìa tất cả các hành. Bình đẳng thấy các pháp do mười hai nhân duyên liên hệ với nhau. Quán về nẻo hành của pháp giới, Bồ-tát quán pháp không theo phi pháp, không chấp vào ngã và ngã sở, cũng không chấp vào nhân, thọ mạng, nơi chốn, đó là pháp. Còn phi pháp là tự mình thấy có ngã, ngã sở, chấp vào nhân, thọ mạng, thấy có đoạn diệt, chấp có thường còn, từ đó thấy các việc có, không, hòa hợp, ly tán. Tất cả các pháp đều là pháp, tất cả các pháp đều là phi pháp. Vì sao? Vì hiểu được nghĩa lý của không, của vô tướng, vô nguyện, nên tất cả pháp đều thích ứng với pháp. Nếu chấp

vào ngã và ngã sở, tức bị ràng buộc trong các kiến chấp, nên tất cả các pháp đều là phi pháp. Bồ-tát quán xét pháp của mình và của người khác như vậy thì thấy rõ các pháp những gì là pháp Phật, những gì là chẳng phải pháp Phật. Không phân biệt, cũng không giải thoát và không sinh tử, đều có thể hướng đến tất cả pháp, ở chỗ chúng sinh được tâm đại Bi vô cùng tận, không bị ngăn che, chữa trị các thứ phiền não, tự tâm phát khởi niệm không ham muốn các trần cảnh. Vì sao? Vì đó là đường hướng độ thoát bình đẳng, không ngại phiền não, không sợ tham dục, hiểu rõ như vậy mới gọi là pháp Phật. Tự tại đối với mọi dục lạc thế gian, tự tại đối với đạo, tạo lập được tâm như vậy, tuy có chỗ trú mà cũng không chấp về nơi chốn. Không trụ vững nơi tâm ý mà gọi là trú thì đó là trụ chấp. Đứng vững trong pháp giới mà không trú nơi pháp giới, không trú vào cảnh giới của người, tức không có chỗ trú, gọi là hư không. Tất cả các pháp đều bình đẳng như hư không. Nếu có Bồ-tát quán pháp mình và quán pháp người khác như thế thì có thể làm người dẫn đường, hướng đến giáo pháp của chư Phật. Tất cả các pháp đều quy về pháp giải thoát, nếu hiểu rõ các pháp như vậy mới có thể hiển bày trọn vẹn pháp vô vi không cùng tận. Đạo không từ nơi chốn sinh ra, cũng không có chỗ để sinh ra. Quán xét về chúng sinh chưa từng lìa bỏ, nguồn gốc của vô sinh đều hướng tới pháp quán Ý chỉ. Tâm ý đối với các pháp đều khiến an trụ vững vàng nên không còn chấp trước vào pháp của hàng Thanh văn, Duyên giác và Phật. Sao gọi là không chấp? Sao gọi là nơi chốn hiện có? Nơi chốn mà tâm đang trụ thường an trụ vững. Chốn trú ấy không mê lầm, chưa từng quên mất. Quan sát về pháp của mình từ trước đến nay, ấy là nguyên nhân của Bồ-tát quán xét về pháp nơi người khác. Thuyết giảng, phân biệt về vô lượng câu chương rõ ràng, việc đã làm không bờ bến, đứng vững trong pháp Phật, vui vẻ với tâm niệm của tất cả chúng sinh, hàng phục các ma, được trí tuệ tự tại, mới gọi là nghĩa đạo. Đó là Bồ-tát dùng pháp Ý chỉ quán của mình và pháp của người khác.

Thế nào là bốn Ý đoạn không cùng tận của Bồ-tát? Các pháp ác của thân chưa phát sinh thì không làm cho phát sinh. Nếu đã sinh khởi rồi thì tìm cách diệt trừ, để tu tập tinh tấn. Tự giữ gìn tâm ý, mọi tâm niệm thuận hợp với nghĩa lý để tăng thêm sự siêng năng. Đó là bình đẳng dốc sức hành tinh tấn, chẳng làm mất chỗ thuận hợp với hoàn cảnh, tu tập đều đặn. Do khả năng thâm giữ tâm mình nên quán xét đúng đắn như vậy. Vì sao? Ý nghĩa thuận với nghĩa lý thì pháp ác, bất

thiện không còn phát sinh nữa. Thế nào là bất thiện? Đó là phá hủy giới cấm, làm rối loạn thiền định, mê hoặc trí tuệ. Phá giới là gì? Muốn sinh cõi trời cũng là phá hủy giới, không thực hành giáo pháp thì giới phẩm bị thiếu sót, cũng là phá hủy giới. Thế nào gọi là làm rối loạn thiền định? Trái với nghĩa lý, thực hành không tinh chuyên, tâm luôn khởi niệm khác, gọi là làm rối loạn thiền định. Thế nào là mê hoặc trí tuệ? Tuy đoạn trừ các tà kiến nhưng gặp rất nhiều sự việc điên đảo, ngăn che các pháp, khiến trí tuệ bị thiếu sót, đó gọi là bất thiện. Giả sử các pháp ác như vậy phát khởi trong đời tượng pháp mà không tùy thuận theo chúng, đó là Ý đoạn thứ nhất. Nếu các pháp ác, bất thiện phát sinh, liền biết đó là quả báo phi pháp, bất thiện, hiểu những tổn hại của chúng, tạo các hành động cấu uế, gọi đó là chôn tối tăm. Tu hành, phụng trì nghĩa lý thuận hợp, diệt hết tham dục không thanh tịnh, dùng tâm Từ mà loại trừ các thứ sân giận, hiểu rõ về mười hai nhân duyên để phá bỏ ngu si, dứt sạch các phiền não là đoạn trừ. Theo duyên khởi, thấy sự sinh ra của các pháp, không có gốc, ngọn nên không có chỗ đoạn. Tất cả các pháp từ sự tu tập mà đạt được gọi là Ý đoạn thứ hai. Nếu pháp lành chưa sinh thì khuyến khích làm cho phát sinh, thể hiện sự siêng năng, tự giữ gìn tâm ý, khen ngợi vô lượng công đức. Vì sao? Vì pháp lành là vô lượng. Sự tu hành thích ứng của Bồ-tát sẽ làm căn bản cho trí tuệ, là nguồn gốc của mọi công đức, đều do tinh tấn mà đạt đến sự an lạc, hiển hiện chỗ thông suốt thấu đến nguồn gốc của phước đức. Đó là Ý đoạn thứ ba. Mọi pháp lành nếu đã phát sinh thì khiến duy trì vững chắc, không để mất, cũng không bỏ quên, tạo lợi ích an vui hoàn toàn, ngày đêm luôn siêng năng, tự giữ tâm mình để khuyến tu đạo nghiệp, gọi đó là bình đẳng. Vì sao? Do khuyến trợ tâm đạo nên nguồn gốc của phước đức không bị tiêu hao. Vì sao? Vì tâm ấy thanh tịnh, tuy sống trong ba cõi mà tâm không bị lệ thuộc. Nếu người có tích lũy công đức, nhưng còn lệ thuộc trong ba cõi thì phước ấy tiêu mất. Nếu có thể đạt đến Nhất thiết trí là gốc của trí tuệ hoàn toàn đầy đủ. Đó là bốn Ý đoạn không cùng tận của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát tu tập thần túc không cùng tận? Thần túc có bốn loại. Đã tự phát khởi, ưa thích tinh tấn thì Bồ-tát lấy gì để tu tập, phát sinh thần túc? Nhờ tu tập bốn Tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả, thường phải tu tập theo bốn pháp không buông lung. Tâm ấy rộng lớn không tham chấp vào thân. Do có thể chế ngự tâm, thực hành pháp Thiền thứ nhất, cứ như vậy cho đến Thiền thứ tư, đạt được thân tâm

nhẹ nhàng. Nhờ thân tâm nhẹ nhàng liền hội nhập nơi thần thông. Do nhập thần thông nên phát sinh thần túc, siêng năng tu tập, đạt giải thoát viên mãn. Thường ưa thích nên liền gắn gũi với đạo. Do tinh tấn nên có thể thành tựu pháp này. Nhờ siêng năng tu tập, nên đạt đến nghĩa lý sâu xa. Nhất tâm quan sát, dùng pháp theo phương tiện, hiểu được thần thông, gọi là thần túc. Thường ưa thích thần thông, nên có sự biến hóa, siêng năng nên thành tựu thần túc, chuyên cần nên thấu hiểu rộng rãi, nhờ tu tập công đức mà thành tựu đạo quả. Quan sát thần túc của Bồ-tát ấy, từ đó được thân cận, được tâm tự tại thì sự mong cầu đạt đến chỗ hoàn toàn. Các hành đầy đủ, các ma không thể phá hoại được. Bình đẳng như hư không, thấy thông suốt vô biên, nghe thấu rõ cùng tận, định ý không hạn lượng thì thần túc hết sức sâu xa. Thấy tất cả căn cơ, nhìn rõ tận nguồn gốc của các pháp. Đó là bốn Thần túc không cùng tận của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát tu tập năm Căn không cùng tận? Những gì là năm?

1. Tín căn.
2. Tinh tấn căn.
3. Ý căn (*niệm căn*).
4. Định căn.
5. Tuệ căn.

Thế nào là tín căn? Thường tin hiểu các pháp. Thế nào gọi là pháp? Người có chánh kiến là tin ở sinh tử, tùy theo thần túc của mình để thành tựu hạnh nghiệp, không ưa thích thần thông khác, mà hiểu được nghĩa lý của Đệ nhất nghĩa đế. Rõ được mười hai duyên khởi sâu xa, không có ngã và ngã sở, không người, Không, Vô tướng, Vô nguyện, không chấp vào tướng, tin hiểu các pháp, không theo tà kiến, tin pháp Phật, tin mười Lực, bốn Vô sở úy, chẳng hoài nghi, không do dự, thấu tóm pháp Phật không có giới hạn, đó gọi là tín căn. Thế nào là tinh tấn căn? Người tin hiểu pháp, nhờ tinh tấn này mà các căn sáng suốt, vượt hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng, gọi là tinh tấn căn. Có thể dùng pháp tu tinh tấn căn, nhân đó mà không mất ý (*niệm*) căn, ý ấy rộng lớn, không biên giới, gọi là ý căn. Ý ấy vắng lặng, rộng lớn như hư không. Do ý căn này thường nhất tâm không loạn, gọi là định căn. Nhờ định căn, trú vào chỗ tịch tĩnh, giữ tâm chuyên nhất, gọi là tuệ căn. Quan sát, hiểu rõ các pháp, phân biệt rõ ràng về sắc tướng chẳng có ngã, đó là tuệ căn. Tu tập đầy đủ năm Căn như vậy là có thể thực hành đầy đủ pháp Phật. Người có thể thực hành đầy đủ

các căn thì an trụ vào quả vị chắc chắn, không bị lay động. Cũng như chư Tiên nhân đạt năm thông của ngoại đạo, tuy thấy rõ trong bào thai mà không thể phân biệt căn của nam hay nữ. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, đối với sự học của Bồ-tát chưa thành tựu năm căn thì không thể thọ ký. Khi đã đạt năm căn rồi, sau đấy mới được thọ ký. Đó là năm Căn vô tận của Bồ-tát.

Thế nào là năm Lực không cùng tận của Bồ-tát?

1. Tín lực.
2. Tinh tấn lực.
3. Ý (niệm) lực.
4. Định lực.
5. Tuệ lực.

Thế nào là tín lực? Thường dốc sức ở nơi chốn vắng lặng mà không bị mê loạn, không trụ vào sắc tướng để thấy Phật, cũng như thấy các pháp khác. Nhất tâm vắng lặng với sức tin hiểu chưa từng thoái chuyển, gọi là tín lực. Thế nào là tinh tấn lực? Giả sử có người luôn tu tập tinh tấn, trong mọi lúc mọi nơi đều tu tập công đức, chuyên cần hành trì kinh điển thì trong mọi nơi sinh sống đều được an định. Gốc công đức tu tập của họ thì hàng trời, người không ai có thể hủy hoại, cũng không thể ngăn chặn, không ai gây trở ngại được. Do vậy nên công đức phát triển không có giới hạn, gọi là tinh tấn lực. Thế nào là ý lực? Tâm nghĩ về pháp, không lười biếng. Các nạn của ái dục không thể xâm phạm. Dùng ý lực để vượt khỏi các phiền não. Ý niệm của Bồ-tát ấy trời, người thế gian không thể làm loạn động. Đó là ý lực. Thế nào là định lực? Nếu ở chỗ đông người, ồn ào, náo nhiệt mà tâm được vắng lặng. Giảng thuyết về đạo lực với mọi cử chỉ hành động. Vào thiền thứ nhất thì không ai có thể gây chướng ngại. Sự tu tập công đức, chuyên cần hành đạo cũng không ai có thể hủy hoại. Đạt thiền thứ hai là tu hành vui vẻ, nội tâm thanh tịnh, trong sáng không bị chướng ngại. Đạt thiền thứ ba là thích hóa độ chúng sinh, hộ trì chánh pháp một cách đầy đủ. Đạt đến thiền thứ tư là hoàn toàn không còn trở ngại. Dùng bốn loại thiền này để tu tập các loại thiền khác, không ai có thể vượt hơn. Người đã tu tập định ý thì không gì có thể làm loạn động. Định ý tự tại gọi là định lực. Thế nào là tuệ lực? Đối với các pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều có thể hiểu thấu. Mọi nơi chốn sinh ra, hiểu biết rõ về mọi văn tự, nghĩa lý của sách

vở, đều đạt do trí vô sư. Chỗ tạo tác các pháp thuật của thần tiên khác, năm kinh, sáu nghệ và các loại sách vở phương thuật khác, Bồ-tát không học mà tự biết rõ. Vượt các pháp thế gian, thông suốt tất cả, Bồ-tát dùng trí tuệ sáng suốt của bậc Thánh mà tâm có thể thấu tỏ hàng trời, người không ai sánh bằng, tùy thời thuyết giảng chánh pháp. Đó là tuệ lực không cùng tận của Bồ-tát.

